TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/LĐ-PT
Ngày: 23/6/2023
V/v "*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Phan Thị Hồng Dung**
- *Các thẩm phán*: Ông **Phạm Văn Bình**

Bà **Hà Thị Phương Thanh**

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đồng Thị Thanh Nga** – Kiểm sát viên.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-LĐ ngày 02/02/2023 về "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2023/QĐXX-PT ngày 28 tháng 3năm 2023.

Do bản án sơ thẩm số 04/2022/LĐST ngày 29/9/2022 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ có kháng cáo, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Lê Bảo L**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số I, đường C, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện tại: Số A, tổ B, đường T, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1995 (văn bản ủy quyền ngày 22/4/2022). Có mặt.

Địa chỉ: Số B, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần S.**

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Như Ý – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Trường T, sinh năm: 1961 (văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021) có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1995 (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022). Có mặt.

Địa chỉ: Số E H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017 và quá trình tố tụng, ông Trần Thanh V người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Bảo L trình bày và yêu cầu:*

Ngày 16/5/2017, ông Lê Bảo L và Công ty Cổ phần S (gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-SYNOT với thời gian từ ngày 16/5/2017 đến ngày 16/5/2022; Địa điểm làm việc tại hệ thống Mường Thanh game club; Chức danh: Quản lý hệ thống chia bài; Công việc: Theo bản mô tả công việc hoặc theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc bộ phận và ban Tổng giám đốc; L1 năng suất: 50.000.000 đồng/tháng; Tiền thưởng 0,2% doanh thu của bộ phận chia bài nếu doanh thu của bộ phận chia bài đạt từ 300.000 USD trở lên. Ngoài ra, hai bên còn ký Phụ lục hợp đồng cùng ngày 16/5/2017. Đến ngày 29/7/2017, Công ty yêu cầu ông L dừng mọi công việc mà không đưa ra lý do. Khi ông L đến làm việc thì bộ phận an ninh Công ty không cho ông L vào với lý do Công ty đã thông báo với toàn thể nhân viên là đã cho ông L thôi việc. Ông L liên hệ lãnh đạo Công ty V1 tại Cần Thơ để tìm hiểu nguyên nhân thì không được trả lời thỏa đáng. Sau khi nhờ Văn phòng luật sư can thiệp thì Công ty thông báo cho ông L đến Công ty làm việc vào ngày 01/9/2017. Tuy nhiên, khi ông L đến Công ty làm việc thì được sắp xếp ở vị trí khác với mức lương giảm còn 1/3 mức lương theo thỏa thuận trong Hợp đồng lao động. Ông L không chấp nhận vị trí công việc này và yêu cầu được trở lại vị trí công việc cũ nhưng phía Công ty không đồng ý. Do vậy, ông L khởi kiện và yêu cầu:

1. Buộc Công ty Cổ phần S nhận ông L trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động đã ký kết.

2. Trả tiền lương những ngày ông L không được làm việc tính từ ngày 29/7/2017 đến ngày 11/12/2017, tính tròn 04 tháng với số tiền là 200.000.000 đồng.

3. Bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với số tiền tương đương 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 50.000.000 đồng/tháng.

Như vậy tổng số tiền ông L yêu cầu là 300.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông L không đồng ý do ông L không tự ý nghỉ việc.

** Theo đơn phản tố ngày 30/12/2021 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị G người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần S trình bày và yêu cầu:*

Phía bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, đến ngày 29/7/2017 thì ông L tự ý nghỉ việc mà không có bất kỳ phản hồi nào đến Công ty. Do vậy, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L và có yêu cầu phản tố yêu cầu ông L phải bồi thường cho Công ty Cổ phần S số tiền 600.000.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng lao động đã ký kết, cụ thể là nghỉ trước thời gian làm việc theo quy định của Hợp đồng.

Tại phiên tòa, người đại theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày: Yêu cầu bị đơn nhận nguyên đơn trở lại làm việc với vị trí và mức lương như thỏa thuận tại Hợp đồng lao động số 05 ngày 16/5/2017 đã ký giữa các bên và trả 06 tháng tiền lương với số tiền là 300.000.000 đồng, trong đó gồm tiền lương 04 tháng không được làm việc là các tháng 8, 9, 10, 11 năm 2017 và bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía Công ty đồng ý nhận ông L trở lại làm việc với vị trí công việc mới theo Quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 của Công ty Cổ phần S. Đồng thời, yêu cầu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn số tiền 600.000.000 đồng do vi phạm quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng và mục 1.9 của Phụ lục hợp đồng.

Vụ kiện đã được toà sơ thẩm xét xử tại bản án số 02/2020/LĐST ngày 23/7/2020 của Toà án nhân dân quận Ninh Kiều do bị đơn có kháng cáo.

Tại bản án số 04/2021/LĐPT ngày 13/4/2021 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Cấp sơ thẩm thụ lý thu thập chứng cứ và đưa ra xét xử sơ thẩm lần 2.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2022/LĐST ngày 29/9/2022 của TAND quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo L đối với Công ty Cổ phần S:

Buộc Công ty Cổ phần S trả cho ông Lê Bảo L 01 (Một) tháng tiền lương là thời gian không được làm việc với số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và 02 (Hai) tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả cho ông Lê Bảo L là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định.

Ngày 12/10/2022 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng các quy định từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 01 tháng lương không được làm việc, 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật, tổng cộng là 03 tháng lương với số tiền là 150.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn do không chứng minh được sai phạm của ông L, nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vì không có cơ sở. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:

Ngày 16/5/2017, ông Lê Bảo L và Công ty Cổ phần S ký Hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-SYNOT với thời gian 05 năm (từ ngày 16/5/2017 đến ngày 16/5/2022). Ông Lê Bảo L cho rằng Công ty Cổ phần S chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên khởi kiện yêu cầu Công ty nhận ông trở lại làm việc và thanh toán các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Bị đơn Công ty Cổ phần S phản tố yêu cầu ông Lê Bảo L bồi thường do vi phạm hợp đồng lao động. Cấp sơ thẩm xác định tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Do ông Lê Bảo L làm việc tại Hệ thống M có địa chỉ thuộc quận N thành phố Cần Thơ, đồng thời, Công ty Cổ phần S có chi nhánh tại số I đường U, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b và đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

[2] *Về tư cách đương sự*:

Xét hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2022 của ông Lê Bảo L là ủy quyền hợp lệ nên ông Trần Thanh V có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn Công ty Cổ phần S ủy quyền cho ông Nguyễn Trường T theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2021 và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị G theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022. Xét giấy ủy quyền ngày 08/11/2021 và giấy ủy quyền ngày 26/5/2022 của Công ty Cổ phần S là ủy quyền hợp lệ nên ông Nguyễn Trường T và bà Nguyễn Thị G có đủ tư cách đại diện bị đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Trường T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện còn lại của bị đơn và người đại diện của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông T nên tiền hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 13/4/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ngày 02/9/2017, ông Lê Bảo L đã đến Công ty O club làm việc nên yêu cầu triệu tập Công ty O tham gia tố tụng để làm rõ. Đồng thời, bị đơn cho rằng người trả tiền theo Hợp đồng lao động cho ông L là

Khách sạn M1, không phải Công ty Cổ phần S, nên cần đưa Khách sạn M1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin liên quan đến yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên tại văn bản ngày 19/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận ngày 29/7/2017, nguyên đơn đã tự ý nghỉ việc nên không thể cung cấp được thông tin nơi ông L đến làm việc ngày 02/9/2017. Đồng thời, xác nhận người trả tiền lương cho ông L là ông Nguyễn Như Ý, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần S (Bút lục 318, 319). Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền bị đơn xác nhận việc ký kết, thực hiện hợp đồng lao động là giữa nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến Khách sạn M1. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty O club và Khách sạn M1 vào tham gia tố tụng như yêu cầu của bị đơn là phù hợp.

Đối với Quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 của Công ty Cổ phần S, Tòa án đã yêu cầu Công ty cung cấp bản chính hoặc bản sao y theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng phía bị đơn xác định đã cung cấp bản sao cho Phòng Lao động thương binh xã hội khi tham gia hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn thừa nhận nội dung của văn bản này nên đây được xem là tài liệu, chứng cứ để xem xét theo qui định.

Đối với Quyết định số 40/QĐ-SYNOT ngày 30/11/2017 của Công ty Cổ phần S được bị đơn cung cấp trong quá trình tố tụng, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp bản chính hoặc bản sao y theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận bị đơn không lưu giữ nên không cung cấp theo yêu cầu Tòa án. Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định nguyên đơn không nhận được cũng như không biết đến Quyết định nêu trên nên đây không phải là tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về kháng cáo của bị đơn đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn bồi thường 600 triệu đồng.*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn:

[4.1] Về nội dung của hợp đồng: Ngày 16/5/2017, ông Lê Bảo L và Công ty Cổ phần S ký Hợp đồng lao động số 05/HĐLĐ-SYNOT và Phụ lục hợp đồng (không số) với nội dung cơ bản: Chức danh chuyên môn – chức vụ được giao: Quản lý bộ phận chia bài; Mức lương chính hoặc tiền công: L1 năng suất 50.000.000 đồng/tháng; Phụ cấp gồm: Ăn ca theo chế độ của Công ty; Tiền

thưởng: 0,2% doanh thu bộ phận chia bài nếu doanh thu bộ phận chia bài đạt từ 300.000 USD trở lên. Ngoài ra, Hợp đồng còn thỏa thuận về chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi, quyền, nghĩa vụ của hai bên. Thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng lao động là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hợp đồng lao động nói trên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Hợp đồng lao động được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn là 05 năm nên được xác định là hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012.

[4.2] *Về nghỉ việc của ông L*: Ngày 29/7/2017, ông Lê Bảo L nghỉ việc. Về lý do nghỉ việc, nguyên đơn cho rằng Công ty Cổ phần S đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông L mà không thông báo lý do. Về phía bị đơn cho rằng sau khi Công ty Cổ phần S điều chuyển vị trí công việc của ông Lê Bảo L theo Quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 do ông L có hành vi vi phạm nội quy Công ty nên ông L đã tự ý nghỉ việc.

Xét lý do nghỉ việc của ông L, xét thấy:

Ngày 27/7/2017, Công ty Cổ phần S ban hành Quyết định số 17/QĐ-Synot chuyển đổi vị trí làm việc đối với ông Lê Bảo L. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không thừa nhận ông L đã nhận được Quyết định số 17/QĐ-Synot của Công ty Cổ phần S, cũng như được biết về nội dung của Quyết định. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc nguyên đơn đã nhận được Quyết định này. Đồng thời, sau khi ban hành Quyết định chuyển đổi vị trí việc làm của ông L, Công ty Cổ phần S không có thông báo hay động thái xử lý khi người lao động không chấp hành quyết định điều chuyển của Công ty, trong khi đó, các nhân viên Công ty đều xác nhận nhận được thông báo ông L nghỉ việc từ cuộc họp thường kỳ của Công ty M2 không biết rõ lý do. Điều này cho thấy, Công ty đã chủ động thông báo việc ông L nghỉ việc chứ không phải thông báo ông L không chấp hành quyết định điều chuyển công tác của Công ty.

Mặt khác, tại Quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 thể hiện Công ty Cổ phần S miễn nhiệm chức vụ quản lý bộ phận tại Câu lạc bộ M3 đối với ông L từ ngày 27/7/2017; Ông L có trách nhiệm bàn giao lại công việc, tài liệu, hồ sơ…thời gian xong trước ngày 01/8/2019; Ông L được bổ nhiệm vị trí mới là trưởng bộ phận chăm sóc khách hàng từ ngày 01/9/2017. Như vậy, qua Quyết định thể hiện Công ty Cổ phần S không sắp xếp công việc cho ông L từ ngày 01/8/2017

đến 31/8/2017. Đồng thời, Công ty Cổ phần S cũng xác nhận chỉ thanh toán tiền lương cho ông L đến tháng 7/2017.

[4.3] *Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*: Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù Công ty Cổ phần S không ban hành quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng việc không sắp xếp công việc cho người lao động, không cho người lao động làm việc là Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và việc chấm dứt hợp đồng lao động này là trái quy định pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ý kiến bị đơn về việc nguyên đơn tự ý nghỉ việc khi bị đơn điều chuyển vị trí công việc của nguyên đơn theo Quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 là không có căn cứ nên yêu cầu phản tố của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật thì người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn nhận trở lại làm việc với vị trí theo Hợp đồng đã giao kết, yêu cầu bị đơn trả tiền lương từ ngày 29/7/2017 đến ngày 11/12/2017 và bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động; nguyên đơn không yêu cầu về bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn.

[4.4] *Đối với yêu cầu về việc nhận nguyên đơn trở lại làm việc theo vị trí công việc theo Hợp đồng*: Ngày 10/8/2017, Công ty Cổ phần S thông báo cho ông L (Qua công văn gửi cho Công ty L2) về việc yêu cầu ông L quay trở lại làm việc từ ngày 01/9/2017. Trong quá trình tố tụng, người đại diện của nguyên đơn xác nhận ông L có trở lại làm việc nhưng được sắp xếp công việc khác và với mức lương bằng 1/3 mức lương theo hợp đồng nên ông L không đồng ý. Lý do sắp xếp công việc khác cho ông L theo đại diện bị đơn trình bày là do vị trí của ông L không thể bỏ trống trong thời gian ông L không làm việc nên đã thay thế bằng người khác và sắp xếp cho ông L một vị trí phù hợp. Phía nguyên đơn cũng xác định ông L không nhận được quyết định số 17/QĐ-SYNOT ngày 27/7/2017 để biết được chính xác mức lương mà chỉ nghe thông tin. Trong trường hợp này, nếu ông L quay trở lại làm việc mà vị trí cũ không còn thì hai bên có thể thương lượng, thỏa thuận theo quy định. Tuy nhiên, ông L không tiến hành thương lượng mà trực tiếp nghỉ việc nên việc ông L không tiếp tục làm việc kể từ ngày 01/9/2017 không

phải lỗi của Công ty. Do đó, việc ông L yêu cầu quay trở lại làm việc với vị trí như hợp đồng đã ký nhưng phía Công ty không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.5] *Đối với yêu cầu Công ty Cổ phần S trả tiền lương cho ông L trong những ngày không được làm việc từ ngày 29/7/2017 đến 11/12/2017* (tính tròn là 04 tháng). Như đã phân tích ở trên, Công ty nhận ông L quay trở lại làm việc từ ngày 01/9/2017 nhưng ông L không đến làm việc. Do đó, thời gian ông L không làm việc từ ngày 01/9/2017 trở về sau không phải do lỗi của Công ty nên Công ty phải trả lương cho ông L trong thời gian không được làm việc tính từ ngày 29/7/2019 đến ngày 30/8/2017 (tính tròn 01 tháng). Ngoài ra, Công ty còn phải trả cho ông L 02 tháng tiền bồi thường do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động.

[4.6] *Về mức lương:*

Theo quy định tại Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định tiền lương bao gồm mức lương theo công việc, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Tiền lương trả cho người lao động căn cứ vào năng suất lao động và chất lượng lao động. Theo thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng lao động thì "Mức lương chính hoặc tiền công: lương năng suất 50.000.000 đồng/tháng" và thực tế tiền lương các tháng ông L đã được thanh toán cũng đảm bảo như lương thỏa thuận. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương 50.000.000 đồng/tháng để xem xét giải quyết tranh chấp.

Như vậy, Công ty Cổ phần S phải trả cho ông L: 01 tháng lương là thời gian không được làm việc và 02 tháng lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật. Tổng cộng số tiền là 3 tháng x 50.000.000 đồng/tháng = 150.000.000 đồng.

Như trên nhận định, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để xem xét, mặt khác bị đơn nại ông L có sai phạm nhưng không chứng minh được lỗi vi phạm một cách chính xác nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu bồi thường, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ được giữ nguyên.

[5] Nhận xét và đề nghi của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Công ty Cổ phần S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Ông Lê Bảo L thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định đối với các yêu cầu không được chấp nhận.

[7] *Về án phí phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội...

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của Công ty Cổ phần S.
- Về nội dung: Không chấp nhận các yêu kháng cáo của Công ty Cổ phần S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Bảo L đối với Công ty Cổ phần S:

Buộc Công ty Cổ phần S trả cho ông Lê Bảo L 01 (Một) tháng tiền lương là thời gian không được làm việc với số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và 02 (Hai) tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái luật với số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*.

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả cho ông Lê Bảo L là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu ông Lê Bảo L bồi thường số tiền 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

3. Về án phí: Công ty Cổ phần S phải chịu 20.500.000 đồng *(Hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí lao động sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần S phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000137 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L uật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Q.Ninh Kiều;
-VKSND TP. Cần Thơ;
-CC THADS Q.N;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Hồng D

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Q.Ninh Kiều;
-CCTHADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Văng Thị Ngọc Yến